

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triều

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát Viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2021; Thông báo số 866/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2021; Thông báo số 884/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021; Thông báo số 915/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đường Thị Hồng V, sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Số 190, ấp Tân Thông 2, xã T, huyện M, tỉnh B.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1986 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền được công chứng ngày 23/02/2021);

Nơi cư trú: Số 198A, ấp 1, xã P, thành phố B1, tỉnh B. (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: Số 215C, ấp Bình Thạnh, xã B2, thành phố B1, tỉnh B. (có mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Số 215C, ấp Bình Thạnh, xã B2, thành phố B1, tỉnh B. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đường Thị Hồng V; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T1 trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên bà Đường Thị Hồng V có cho bà Bùi Thị Thu H vay tiền nhiều lần, đến ngày 01/02/2020 bà V với bà H tổng kết nợ và làm tờ giấy mượn tiền với số tiền 113.000.000 đồng, đây là tổng số tiền bà H đã vay của bà V trước đây tổng hợp lại. Khi vay tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng và thời hạn vay đến tháng 01 năm 2020 sẽ trả và bà H có giao cho bà V bản sao giấy chứng nhận kết hôn của bà H với ông N và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 749, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã Bình Phú, thành phố Bến Tre do ông Phạm Văn N đứng tên chủ sử dụng, mục đích bà V cho bà H vay tiền để lo cho con bà H đi học và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên đến hạn thì bà H chỉ trả cho bà V 13.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H cứ hứa hẹn mà không trả. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu bà H và ông N có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2020 tạm tính đến ngày 01/02/2021 là 12 tháng x 0,75%/tháng x 100.000.000 đồng = 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 109.000.000 đồng. Nay bà V chỉ yêu cầu bà H và ông N liên đới trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

*Theo bản tự khai và lời trình bày tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày:*

Bà H có vay tiền của bà V 05 lần, lần 01 vào ngày 02/02/2018 âm lịch vay số tiền 16.000.000 đồng, lãi suất 15%, lần 02 vào ngày 22/02/2018 âm lịch vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 15%, lần 03 vào ngày 23/3/2018 âm lịch vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 15%, lần 04 vào ngày 28/02/2018 âm lịch vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 15%, lần 05 vào ngày 04/6/2018 âm lịch vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 15%. Tổng cộng số tiền đã vay là 61.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền, bà đã đóng lãi cho bà V khoảng 01 năm nhưng không xác định được tổng số tiền đã đóng lãi là bao nhiêu, hàng tháng đóng lãi cho bà V thì không có làm biên nhận tiền lãi mà bà V chỉ đưa tờ giấy ghi tiền lãi và bà đưa tiền cho bà V. Đến ngày 01/02/2020, bà V có Vết giấy mượn tiền và bà có xác nhận còn nợ tổng cộng là 113.000.000 đồng, số tiền trên bao gồm 61.000.000 đồng tiền vốn gốc và số tiền lãi chưa đóng. Sau khi xác nhận nợ, bà có trả cho bà V được 13.000.000 đồng. Mục đích bà vay của bà V để đầu tư bất động sản ở Thành phố Hồ Chí Minh và cho khách hàng bảo hiểm mượn, ông N biết biết sự Việc bà làm bảo hiểm. Nay bà đồng ý trả cho bà V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

*Theo lời trình bày tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N trình bày:*

Ông là chồng của bà Bùi Thị Thu H, sự Việc bà H vay tiền của bà V và sử dụng tiền vay vào mục đích gì thì ông không biết, bà H đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên giao cho bà H ông cũng không biết và ông cũng không có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nào với bà V. Do ông hoàn toàn không biết sự Việc vay tiền và bà H cũng không sử dụng vào mục đích gia đình nên ông không đồng ý liên đới cùng bà H trả tiền vay cho bà V, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:*

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đường Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Thu H trả số tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và các điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N xin vắng mặt trong các lần giải quyết tại Tòa án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là phù hợp.

[3] Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Về số tiền vốn gốc: Theo giấy mượn tiền ngày 01/02/2020 thể hiện bà H có mượn bà V số tiền 113.000.000 đồng, giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả tiền. Các bên thống nhất đây là số tiền bà V cho bà H vay trước đó và tổng kết lại số tiền như nội dung giấy mượn tiền và bà H đã trả cho bà V là 13.000.000 đồng, còn lại tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H cho rằng đây là số tiền bao gồm tiền vốn gốc và tiền lãi cộng lại, với mức lãi suất 15%/tháng, bà H trình bày có chứng cứ nhưng không cung cấp cho Tòa án. Mặt khác, Tại phiên tòa, bị đơn bà H thừa nhận còn nợ bà V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho bà V nên ghi nhận. Bà V không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về Việc yêu cầu ông Phạm Văn N liên đới trả tiền vay cùng với bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Phạm Văn N là chồng của bà Bùi Thị H. Ông N cho rằng ông không biết về Việc vay tiền của bà H và bà H không sử dụng tiền chi tiêu cho gia đình. Tuy nhiên, bà H xác định số tiền vay bà sử dụng để đầu tư bất động sản ở Thành phố Hồ Chí Minh và cho khách hàng bảo hiểm mượn. Do đó, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Phạm Văn N phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Bùi Thị Thu H trả số nợ nêu trên cho bà Đường Thị Hồng V.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của bà V đối với bà H và ông N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà H và ông N có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

[3] Đối với Vệc bà V đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 749, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã Bình Phú, thành phố Bến Tre do ông Phạm Văn N đứng tên chủ sử dụng thì Hội đồng xét xử buộc bà V trả lại cho ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H và ông Phạm Văn N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 117, 123, 131, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đường Thị Hồng V: Buộc bà Bùi Thị Thu H và ông Phạm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đường Thị Hồng V số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận Vệc bà V không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Đường Thị Hồng V trả lại cho ông Phạm Văn N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 749, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã Bình Phú, thành phố Bến Tre do ông Phạm Văn N đứng tên chủ sử dụng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Bùi Thị Thu H và ông Phạm Văn N phải liên đới nộp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Đường Thị Hồng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000 (Hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007000 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Đường Thị Hồng V và bà Bùi Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với ông Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Triều**